

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/DS-PT
Ngày: 16-01-2026
V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài
sản; hợp đồng hợp tác kinh doanh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán:

bà Lê Thị Kim Nga

bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: bà Võ Hữu Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 11 năm 2025 và ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản; hợp đồng hợp tác kinh doanh”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2-Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 711/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; CCCD số 082065025045; địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; CCCD số 086169002439; địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2026).

- *Bị đơn:* ông Đoàn Văn L, sinh năm 1965; CCCD số 080065007307; địa chỉ: số A ấp N, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1969; CCCD số 086169002439; địa chỉ: Ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp N, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn, ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 25/7/2022, ông Đoàn Văn L và ông có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh, có nội dung: ông L góp 3.000m² đất thuộc một phần thửa 1201, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An do ông L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn ông góp chi phí cải tạo đất và mua giống cây kiểng; chi phí chăm sóc cây trồng hai bên cùng chịu, kết quả hợp tác kinh doanh chia đều cho mỗi bên; thời hạn của hợp đồng là 10 năm. Các bên đang thực hiện hợp đồng thì ông L tự ý thu hồi lại một phần diện tích đất đã giao, ông L không biết cách chăm sóc cây, ví dụ như đào đường nước trên đất, tưới tiêu nước không hợp lý dẫn đến chết cây.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu ông L bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh tổng cộng 134.180.000 đồng, gồm các khoản như sau: tiền mua cây giống 38.000.000 đồng, tiền mua phân thuốc 5.040.000 đồng, tiền công cải tạo đất chăm sóc cây cũng như thuê người cải tạo đất, chăm sóc cây 91.140.000 đồng.

Bị đơn ông Đoàn Văn L trình bày: ông thống nhất trình bày của ông C về nội dung thỏa thuận hợp tác giữa hai bên vào ngày 25/7/2022 và thời hạn hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông có đào đường nước để chăm sóc cây cũng như tưới tiêu cho các thửa đất khác của ông. Do trời nắng nóng, ông C không tưới cây cũng như ông C không biết chăm sóc cây, từ đó dẫn đến cây chết nên ông không đồng ý bồi thường như yêu cầu của ông C. Các chi phí các bên bỏ ra, nếu có thiệt hại thì các bên tự chịu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày

Bà Nguyễn Thị K trình bày: bà là vợ ông C. Bà thống nhất ý kiến của ông C và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị Á trình bày: bà là vợ ông L. Bà thống nhất ý kiến của ông L và không yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2-Tây Ninh đã xử (tóm tắt):

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với ông Đoàn Văn L về việc ông C yêu cầu ông L bồi thường tiền mua cây giống 38.000.000 đồng, tiền mua phân thuốc 5.040.000 đồng, tiền công cải tạo đất chăm sóc cây cũng như thuê người cải tạo đất, chăm sóc cây 91.140.000 đồng, tổng cộng 134.180.000 đồng phát sinh từ tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản và hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/8/2025, ông Nguyễn Văn C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Nguyễn Văn C trình bày: Khi thực hiện hợp đồng, ông thuê thợ cùng với ông đắp mô để trồng cây và tháo nước để tưới. Tuy nhiên, sau đó ông L lại xả nước làm cho cây bị chết khô, nên hợp đồng không thể tiếp tục được nữa vì hai bên đã không thống nhất được phương án chăm sóc cây. Hiện nay đất do ông L quản lý. Do ông L có lỗi làm cho hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện được, nên ông yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và buộc ông L phải bồi thường cho ông các chi phí đã bỏ ra, gồm tiền mua cây giống 38.000.000 đồng, tiền mua phân thuốc 5.040.000 đồng, tiền công cải tạo đất chăm sóc cây cũng như thuê người cải tạo đất, chăm sóc cây 91.140.000 đồng, tổng cộng 134.180.000 đồng. Đối với số cây kiểng còn lại thì ông L được hưởng nhưng phải trả tiền cho ông.

Bà Nguyễn Thị K đại diện theo ủy quyền của ông C trình bày: thống nhất ý kiến của ông C.

Ông Đoàn Văn L trình bày: phần đất đã giao cho ông C tiếp giáp kênh. Theo thỏa thuận thì ông C phải lên liếp, đào rãnh nước tưới tiêu, vì ngoài phần đất trong hợp đồng thì ông còn phần đất khác ở phía bên trong. Tuy nhiên, ông C lại không lên liếp mà chỉ đắp mô, sau đó dẫn nước từ kênh vào tưới kiểng làm cho phần đất phía trong của ông bị ngập, nên ông bắt buộc phải tháo nước ra. Hiện nay ông C đã bỏ đất không chăm sóc kiểng nữa. Do ông C không làm đúng thỏa thuận trong hợp đồng nên ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu của ông C.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn C đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: căn cứ thỏa thuận hợp tác giữa ông L và ông C, thì ông L góp đất, còn ông C bỏ tiền chi phí cải tạo đất và mua cây giống; chi phí chăm sóc phân thuốc mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$. Mặc dù diện tích đất ông L giao không đủ theo thỏa thuận, nhưng ông C không trình bày được việc giao đất thiếu đã gây thiệt hại gì cho ông. Các bên đã chấm dứt hợp đồng trên thực tế. Ông C yêu cầu ông L trả lại chi phí cải tạo đất và tiền mua cây giống là không có căn cứ để được chấp nhận, vì đây là nghĩa vụ của ông C theo hợp đồng; tiền phân thuốc tổng cộng 5.040.000 đồng thì ông C và ông L mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$; số lượng cây trồng còn lại có giá trị là 3.500.000 đồng thì ông L được sở hữu và có nghĩa vụ trả lại giá trị cho ông C. Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ vì cả hai bên cùng có lỗi làm cho hợp đồng chấm dứt trước thời hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông

C, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông C vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: bản án sơ thẩm bị kháng cáo toàn bộ. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

[4] Về việc áp dụng pháp luật về nội dung: Hợp đồng hợp tác kinh doanh đang có tranh chấp được xác lập vào ngày 25/7/2022. Do đó, áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan để giải quyết vụ án.

[5] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: theo đơn khởi kiện ghi ngày 17/7/2023, ông C yêu cầu ông L phải bồi thường thiệt hại cho ông các khoản chi phí như mua giống, phân bón, cải tạo đất, phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh được ký kết giữa ông C và ông L vào ngày 25/7/2022. Nghĩa là về bản chất, các bên đang tranh chấp quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong hợp đồng. Như vậy, ngoài quan hệ tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh, bản án sơ thẩm còn xác định thêm quan hệ pháp luật tranh chấp là bồi thường thiệt hại về tài sản, là không chính xác.

[6] Ông C khởi kiện và kháng cáo yêu cầu ông L bồi thường tiền mua cây giống 38.000.000 đồng, tiền mua phân thuốc 5.040.000 đồng, tiền công cải tạo đất chăm sóc cây cũng như thuê người cải tạo đất, chăm sóc cây 91.140.000 đồng. Kèm theo là các xác nhận của người làm công như ông Nguyễn Minh L1 (bút lục số 53), người bán cây giống kiềng là ông Nguyễn Văn Đ (bút lục số 70), bán phân bón thuốc trừ sâu Đại lý thuốc B (các bút lục số 61-68).

[7] Theo Điều 1 Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 25/7/2022 số công chứng 4950, quyển số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD giữa ông L và ông C thể hiện, ông L (bên A) góp vốn là quyền sử dụng đất 3.000m²; ông C (bên B) góp chi phí cải tạo đất và cây giống; chi phí chăm sóc cây trồng kể từ khi trồng cây con xong đến khi thu hoạch do bên A và bên B cùng chịu (chia đôi cho hai bên). Theo Điều 3 của hợp đồng, thì thời hạn hợp tác là 10 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

[8] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp, kết quả hợp tác đến ngày 14/7/2025 giữa ông L và ông C còn các cây kiềng trồng trên một phần thửa 1201, gồm: 20 cây tùng, 20 cây mai vàng, 30 cây

trang, có giá trị 50.000đ/cây, thành tiền tổng cộng 3.500.000 đồng (các bút lục số 86-88). Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L xác định từ khi ông C khởi kiện thì hai bên đã chấm dứt thực hiện hợp đồng trên thực tế, ông L đề nghị ông C bứng cây đi trả đất lại cho ông, còn ông C không đồng ý nhận lại các cây trồng vì ông không có đất (bút lục 96-98). Như vậy, giữa các bên đã có sự không thống nhất về giải quyết hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng trên thực tế. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ ý kiến của ông C yêu cầu ông L phải bồi thường xong cho ông C thì mới đồng ý hủy hợp đồng (bút lục số 98), từ đó nhận định rằng giữa ông C và ông L không tranh chấp nên không giải quyết hợp đồng hợp tác giữa ông C và ông L, là chưa xem xét chính xác ý chí, yêu cầu của các đương sự. Tại cấp phúc thẩm, ông Chính xác Đ1 do không thể chủ động tưới tiêu nước cho cây kiểng, nên ông yêu cầu chấm dứt hợp đồng và bồi thường thiệt hại do ông L có lỗi làm cho hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện được. Các yêu cầu này của ông C liên quan trực tiếp đến yêu cầu khởi kiện ban đầu của ông C, nên cần phải giải quyết trong cùng vụ án mới giải quyết toàn diện, triệt để tranh chấp hợp đồng hợp tác giữa các bên đương sự.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 26/11/2025, ông L thừa nhận rằng, do ông C dẫn nước từ kênh vào để tưới cây kiểng nhưng do các mô đất trồng kiểng cao, dẫn đến phần đất ruộng còn lại của ông L bị ngập nên ông đã tháo nước ra. Như vậy, trình bày của ông C về nguyên nhân dẫn đến các cây kiểng bị chết do thiếu nước là có cơ sở. Tuy nhiên, hợp đồng chỉ ghi nghĩa vụ của ông C là “góp chi phí cải tạo đất”; các bên trong hợp đồng không thỏa thuận cụ thể về quy cách của đất trồng kiểng là đắp mô như ông C hay lên liếp như ông L trình bày. Tại thời điểm ông C đắp mô đất thì ông L không phản đối gì và theo cả hai bên ông C, ông L đều thừa nhận rằng các bên đã có thời gian đầu tư trồng lúa phần đất dưới chân các mô đất để tận dụng khả năng sử dụng đất; các bên cũng không thống nhất được về phương án tưới tiêu nước để tiếp tục thực hiện hợp đồng hợp tác, nên cần chấp nhận yêu cầu của ông C về việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

[10] Về giải quyết hậu quả của chấm dứt hợp đồng: cả ông C và ông L đều có lỗi làm cho thỏa thuận hợp tác không thể tiếp tục thực hiện được, bởi lẽ, tại thời điểm xác lập hợp đồng, cả hai đương sự đã không có thỏa thuận cụ thể về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong việc chăm sóc cây. Khi thực hiện thỏa thuận hợp tác, ông L đã thực hiện nghĩa vụ giao đất, ông C đã chi phí cải tạo đất và mua cây giống, nên không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc được hoàn trả các chi phí này, bởi lẽ đây là phần nghĩa vụ của ông C trong hợp đồng. Đối với chi phí phân bón 5.040.000 đồng, căn cứ vào khoản 3 Điều 1 của hợp đồng, buộc ông L phải trả cho ông C $\frac{1}{2}$ chi phí là 2.520.000 đồng; đối với số cây kiểng hiện còn trên đất (các bút lục số 86-88), gồm 20 cây tùng, 20 cây mai vàng và 30 cây bông trang, có giá trị là 3.500.000 đồng (= 50.000đ/cây), thì đây chính là kết quả của thỏa thuận hợp tác nên chia đôi cho ông C và ông L mỗi người $\frac{1}{2}$. Khi chấm dứt hợp đồng, đất trả về cho ông L và cũng hiện do ông L trực tiếp quản lý, nên giao cho ông L được quyền sở hữu cây và thanh toán giá trị cho ông C số tiền là 1.750.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông L phải thanh toán cho ông C

khi chấm dứt hợp đồng là 4.270.000 đồng.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ được chấp nhận một phần.

[12] Về chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm (chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ), tổng cộng 15.000.000 đồng: buộc ông C và ông L mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ là 7.500.000 đồng. Do ông C đã nộp tạm ứng toàn bộ, nên buộc ông L phải nộp để hoàn trả cho ông C số tiền 7.500.000 đồng.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông C phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận; ông L phải chịu trên số tiền phải hoàn trả cho ông C. Tuy nhiên, do ông C và ông L đều là người cao tuổi và có yêu cầu xét miễn án phí, nên thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho ông C số tiền 2.525.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004496 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2-Tây Ninh).

[14] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên ông C không phải chịu và được hoàn trả tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn C.

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2-Tây Ninh:

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với ông Đoàn Văn L về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh.

3.2. Chấm dứt Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 25/7/2022 số công chứng 4950, quyển số 04/2022TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C1, được xác lập giữa ông Đoàn Văn L và ông Nguyễn Văn C.

3.3. Buộc ông Đoàn Văn L phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 4.270.000đ (bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

3.4. Ông Đoàn Văn L được quyền sở hữu số cây kiểng gồm: 20 cây tùng, 20 cây mai vàng, 30 cây trang, được trồng trên một phần thửa 1201 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).

4. Về chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, tổng

cộng 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng): buộc ông Đoàn Văn L và ông Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Buộc ông Đoàn Văn L phải nộp 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) để hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền đã tạm ứng.

5. Về nghĩa vụ nếu chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn C và ông Đoàn Văn L được miễn. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 2.525.000đ (hai triệu năm trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0004496 ngày 27/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2-Tây Ninh).

7. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn C không phải chịu và được hoàn trả số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002245 cùng ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

8. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 2-Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 2-Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục